

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 6 – 2020

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Đặng Thành L (S), sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 22/32, đường L, khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 22/32, đường L, khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 02/6/2020 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Thành L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống vào năm 1997, không đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Hôn nhân tự nguyện. Sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với bà T, đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Tuyết N sinh ngày 16/6/1988 đã trưởng thành không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng; Đặng Thành D sinh ngày 22/3/2008, ông yêu cầu giao con cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không đặt ra tách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 02/6/202, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Về thời gian chung sống đúng như ông L trình bày, bà và ông L không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nên không hạnh phúc. Bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L nên đồng ý ly hôn với ông Long.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Tuyết N sinh ngày 16/6/1988 đã trưởng thành không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng; Đặng Thành D sinh ngày 22/3/2008, bà đồng ý có trách nhiệm trực tiếp nuôi con Đặng Thành D sau khi ly hôn, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau vào năm 1997, không đăng kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Ông L yêu cầu ly hôn với bà T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay ông L yêu cầu ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất có 02 con chung tên Đặng Tuyết N sinh ngày 16/6/1988 đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và Đặng Thành D sinh ngày 22/3/2008, ông bà thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Đây sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với ý kiến của con chung tại biên bản ngày 02/6/2020 nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung: Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về nợ chung: Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất xác định không có nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Đặng Thành L phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Đặng Thành D sinh ngày 22/3/2008, cho bà Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông Đặng Thành L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đặng Thành L và bà Nguyễn Thị Thanh T xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Đặng Thanh L phải nộp. Ngày 08/5/2020 ông Đặng Thanh L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0001763 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu